TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 260/2017/DS-PT
Ngày: 29-12-2017
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Triển.

Các Thẩm phán:

1. Bà Phạm Thị Hồng Vân;

2. Bà Võ Thị Hồng Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bùi Toàn, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Phu, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 đến 29 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2017/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2017, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 34/2017/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo, kháng nghị; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 282/2017/QĐ-PT ngày 07 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên VT (sau đây viết tắt là Công ty TNHH MTV VT). Địa chỉ: Đường H, khu phố A, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Hoàng S, chức vụ: Giám đốc; cư trú tại: Đường H, khu phố A, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Đồng bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1962;

2.2. Chị Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1981;

Cùng cư trú tại: Ấp P, xã PV, huyện CT, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Đ, chị H: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1960; cư trú tại: Đường HT, khu phố 1, phường TT, Quận C, Thành Phố Hồ Chí Minh (theo văn bản uỷ quyền ngày 15-6-2016); có mặt.

3. Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964; cư trú tại: Ấp TL, xã TB, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn V - là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 01-3-2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV VT, ông Lưu Hoàng S trình bày:

Ông là Giám đốc của Công ty TNHH MTV VT, Công ty ông kinh doanh nhiều ngành nghề trong đó có dịch vụ cầm đồ. Ngày 10-9-2014 ông cho bà Đ, chị H vay số tiền 215.000.000 đồng, hẹn ngày 10-5-2015 trả. Khi vay, bà Đ và chị H đã cầm cố Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE789683 thuộc thửa 223, tờ bản đồ số 29, diện tích 165 m^2, tọa lạc tại ấp PL, xã PV, huyện CT, tỉnh Tây Ninh do bà Đ đứng tên và sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân.

Ngày 23-9-2014, bà Đ, chị H tiếp tục mượn 15.000.000 của ông, có làm giấy mượn tiền và hẹn đến ngày 23-10-2014 sẽ trả. Hai lần cho vay này đều do anh Nguyễn Văn T thay mặt ông thực hiện. Khi vay thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, tháng đầu tiên thì ông tính lãi suất là 6%/tháng. Ngày 23-9-2014 ông có thu tiền lãi 13.800.000 đồng. Từ đó cho đến nay chị H, bà Đ không đóng cho Công ty khoản tiền lãi nào.

Sau đó, ông được biết bà Đ đã báo mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tiến hành đăng ký lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên để thế chấp vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi nhánh xã An Cơ, huyện Châu Thành số tiền 50.000.000 đồng.

Nay, ông yêu cầu bà Đ và chị H phải trả 230.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi là 20%/năm tính từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm, khấu trừ số tiền lãi mà chị H đã đóng cho Công ty ông là 13.800.000 đồng.

Đồng bị đơn – chị Nguyễn Thị Lệ H trình bày:

Chị thừa nhận trước đây có vay tiền của ông S, do anh T đưa cho chị, hẹn ngày trả, khi vay cầm cố giấy tờ, thỏa thuận lãi suất và đã trả được một phần tiền lãi như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, khi vay chị chỉ nói cho bà Đ biết vay 70.000.000 đồng để làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất sang đất thổ cư. Tất cả hợp đồng cầm cố tài sản và giấy mượn tiền do một mình chị ký tên vào chỗ tên chị và tên mẹ chị. Bà Đ (mẹ chị) hoàn toàn không có ký tên vào những giấy tờ này.

Ngày 29-12-2016 chị nộp đơn yêu cầu phản tố, theo đó yêu cầu hủy hợp đồng cầm cố tài sản ngày 10-9-2014 giữa chị và Công ty TNHH MTV VT.

Đồng bị đơn - bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Bà thừa nhận có ký vay 70.000.000 đồng do ông T đưa cho bà ký nhận nợ. Bà không biết và cũng không ký trong Hợp đồng cầm cố tài sản ngày 10-9-2014 và Giấy mượn tiền ngày 23-9-2014. Tuy nhiên, bà đồng ý cùng chị H trả cho Công ty TNHH MTV VT số tiền 230.000.000 đồng và tiền lãi.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn, ông Nguyễn Văn V trình bày:

Vào khoảng tháng 7-2014 chị H cần vốn kinh doanh nên tìm gặp ông Nguyễn Văn T, chị H có đưa cho ông T xem 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Thị Đ đứng tên. Do phần đất này không phải là đất thổ cư nên chị H không thể vay vốn ngân hàng. Chị H giao quyền sử dụng đất cho ông T và thỏa thuận ông T sẽ bao trọn gói việc chuyển mục đích sử dụng đất đối với phần đất trên với giá là 70.000.000 đồng.

Chị H đã giấu mẹ mình là bà Đ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, nhưng khoảng 01 tháng sau khi ông T đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị H xem thì chỉ thấy 87 m^2 thổ cư và cũng không thể giúp chị H vay vốn ngân hàng. Ông T đem cho chị H ký 01 hợp đồng vay 70.000.000 đồng, ông T nói chị H ký thay tên bà Đ sẽ không ai biết, nên chị H đã đồng ý ký tên thay cho mẹ mình. Sau đó, ông T vẫn không thể giúp chị H vay vốn ngân hàng nên ngày 23-9-2014 ông T tiếp tục đưa cho chị H ký vào một giấy mượn tiền 15.000.000 đồng. Nhưng trên thực tế ông T không đưa cho chị H số tiền này mà 15.000.000 đồng này là số tiền lãi phát sinh.

Trong giấy nhận nợ này, chị H tiếp tục ký nháy thay tên của mẹ mình là bà Đ. Sự việc kéo dài đến cuối tháng 11-2015 thì số tiền gốc và tiền lãi phát sinh là 200.000.000 đồng, chị H đã xin ông T giảm tiền lãi và xin trả số tiền 140.000.000 đồng nhưng ông T không đồng ý.

Nay, Công ty TNHH VT khởi kiện yêu cầu bà Đ và chị H cùng có trách nhiệm trả số tiền 230.000.000 đồng. Ông đại diện cho bà Đ không đồng ý với yêu cầu của ông S, vì bà Đ không có nghĩa vụ trả nợ. Còn đối với chị H, chấp nhận trả cho Công ty TNHH MTV VT số tiền 140.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi.

Ngày 29-12-2016 ông đại diện cho chị H nộp đơn yêu cầu phản tố, yêu cầu hủy hợp đồng cầm cố Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE789683 ngày 10-9-2017 mà Công ty TNHH MTV VT đã cung cấp.

Người làm chứng, ông Nguyễn Văn T trình bày: Công ty TNHH MTV VT đã cho bà Nguyễn Thị Đ và chị Nguyễn Thị Lệ H vay tổng cộng 230.000.000 đồng; ngày 10-9-2014 Công ty có nhận được 13.800.000 đồng tiền lãi.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 34/2017/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 310, 463, 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 147; khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV VT đối với bà Nguyễn Thị Đ, chị Nguyễn Thị Lệ H.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Nguyễn Thị Lệ H yêu cầu huỷ hợp đồng cầm cố ngày 10-9-2014 giữa Công ty TNHH MTV VT và bà Đ, chị H. Hợp đồng cầm cố tài sản ngày 10-9-2014 vô hiệu.

Buộc bà Nguyễn Thị Đ, chị Nguyễn Thị Lệ H có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH MTV VT số tiền gốc là 230.000.000 đồng và lãi là 118.574.900 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 348.574.900 đồng.

Buộc Công ty TNHH MTV VT do ông Lưu Hoàng S làm giám đốc có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ, chị Nguyễn Thị Lệ H: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00753-BE789683 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 26-12-2011, thửa 223, tờ bản đồ số 29, diện tích 165 m^2, tọa lạc tại ấp PL, xã PV, huyện CT, tỉnh Tây Ninh do bà Đ đứng tên; sổ hộ khẩu và 02 giấy chứng minh nhân dân bản gốc mang tên Đ, H.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành xử lý hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH00753-BE789683 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 26-12-2011 và số CH02196, do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 25-3-2015, thửa 223, tờ bản đồ số 29, diện tích 165 m^2, tọa lạc tại ấp PL, xã PV, huyện CT, tỉnh Tây Ninh do bà Nguyễn Thị Đ đứng tên theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất do chậm thi hành án, chi phí giám định, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 07-8-2017, người đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

+ Bà Nguyễn Thị Đ không có trách nhiệm cùng chị Nguyễn Thị H trả cho Công ty TNHH MTV VT số tiền 230.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh;

+ Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm làm rõ hợp đồng vay mượn ngày 10-9-2014, chị H, bà Đ có phải đã mượn tổng cộng 230.000.000 đồng của Công ty TNHH MTV VT hay không, vì theo ông cho rằng nguồn gốc của khoản nợ 230.000.000 đồng là do chị H vay 70.000.000 đồng, nay hợp đồng đã bị làm giả thành chị H vay 215.000.000 đồng, vì các trang đính kèm trong hợp đồng không

có chữ ký của chị H.

Ngày 14 tháng 8 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành có Quyết định kháng nghị số: 159/QĐKNPT-VKS-DS, nội dung:

+ Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 310, 463, 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015 là không chính xác vì giao dịch hợp đồng cầm cố tài sản cũng như vay mượn tiền của Công ty TNHH MTV VT với bà Đ, chị H được thực hiện xong vào ngày 23-9-2014, trước ngày Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tính lãi suất 20%/năm tương đương với 1,66%/tháng để buộc chị H, bà Đ trả là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của đương sự, không đúng với Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005.

+ Bản án sơ thẩm buộc bà Đ, chị H có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty TNHH MTV VT số tiền gốc 230.000.000 đồng và lãi suất là 118.574.900 đồng là không phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bởi vì, bà Đ, chị H chỉ thừa nhận ký tên vay 70.000.000 đồng để chuyển đổi mục đích quyền sử dụng đất lên thổ cư là phù hợp với hồ sơ chuyển đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ đó, có cơ sở buộc bà Đ có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty TNHH MTV VT số tiền 70.000.000 đồng, trong số tiền 230.000.000 đồng.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:*

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành; chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn V; sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ buộc bà Đ liên đới cùng chị H hoàn trả cho Công ty TNHH MTV VT 70.000.000 đồng tiền gốc; số tiền gốc còn lại là 160.000.000 đồng chị H có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH MTV VT đồng thời bà Đ, chị H phải có trách nhiệm trả lãi tương ứng trên số tiền gốc theo quy định tại Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành:

[1] Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày Bộ luật này có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự số: 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật Dân*

sự số: 33/2005/QH11 để giải quyết". Trong vụ án này, Hợp đồng cầm cố tài sản và Giấy mượn tiền giữa Công ty TNHH MTV VT với bà Đ, chị H đã thực hiện xong vào ngày 23-9-2014, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tính lãi suất 20%/năm tương đương với 1,66%/tháng để buộc chị H, bà Đ trả là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của đương sự, không đúng với Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005. Bên cạnh đó, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định buộc bà Đ, chị H có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty TNHH MTV VT số tiền gốc 230.000.000 đồng là không phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bởi lẽ:

1.1. Đối với khoản tiền 70.000.000 đồng: Trong quá trình thu thập chứng cứ ở Tòa án cấp sơ thẩm, bà Đ và chị H thừa nhận có vay của ông T 70.000.000 đồng để chuyển đổi mục đích sử dụng đất lên thổ cư là phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Đ đứng tên, được cấp mới diện tích 165 m^2 (trong đó đất ở nông thôn là 87,5 m^2, đất trồng cây lâu năm là 77,5 m^2), thửa 223, tờ bản đồ 29, tọa lạc tại ấp PL, xã PV, huyện CT. Bên cạnh đó, theo Kết luận giám định số: 2296 ngày 15-8-2016 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Đ trên 02 tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 (nêu tại mục 2.1) so với chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Đ trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 (nêu tại mục 2.2) là không phải do cùng một người ký ra. Từ đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm có cơ sở kết luận chữ ký tên Giấy mượn tiền ngày 23-9-2014 và chữ ký trên Hợp đồng cầm cố tài sản ngày 10-9-2014 không phải của bà Đ. Như vậy, chỉ có cơ sở buộc bà Đ có trách nhiệm liên đới cùng chị H trả cho Công ty TNHH MTV VT số tiền 70.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền này.

1.2. Đối với khoản tiền 160.000.000 đồng (230.000.000 đồng – 70.000.000 đồng): Trong quá trình thu thập chứng cứ ở Tòa án cấp sơ thẩm, hồ sơ thể hiện chị H thừa nhận chị là người trực tiếp ký kết Hợp đồng cầm cố tài sản ngày 10-9-2014 vay số tiền 215.000.000 đồng và ký tên vào Giấy mượn tiền đề ngày 23-9-2014 số tiền 15.000.000 đồng. Do đó, chỉ có cơ sở buộc chị H phải có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty TNHH MTV VT số tiền còn lại là 160.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền này.

[2] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn:

3.1. Tại bút lục số 16, chị Nguyễn Thị Lệ H khai: *"Tôi và mẹ vay*

70.000.000 đồng từ ông T để lên đất thổ cư”. Tại bút lục số 18, bà Nguyễn Thị Đ khai: “*Ông T đem tờ giấy tập cho tôi ký để vay 70.000.000 đồng cho con tôi là H để trả nợ”; “Tôi chỉ ký một lần để vay số tiền 70.000.000 đồng tại nhà tôi”*. Tại bút lục 25, chị Nguyễn Thị Lệ H khai: *“Tôi có nói cho mẹ tôi biết vay 70.000.000 đồng để làm giấy đất lên thổ cư còn số tiền khác thì tôi không nói cho mẹ tôi biết”.* Tại bút lục số 33, bà Nguyễn Thị Đ khai: “*Không có ký vào giấy vay tiền 15.000.000 đồng và 215.000.000 đồng chỉ có ký vào tờ giấy vay tiền 70.000.000 đồng thôi, những chữ ký còn lại là do con tôi ký”*. Do đó, có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Đ có vay 70.000.000 đồng để đưa cho chị H làm hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất thổ cư nên bà Đ phải có trách nhiệm liên đới cùng chị H trả cho Công ty TNHH MTV VT 70.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh.

3.2. Xét Hợp đồng cầm cố tài sản đề ngày 10-9-2014: Tại bút lục 25, chị Nguyễn Thị Lệ H khai: *“Tôi có ký hợp đồng cầm cố tài sản là Giấy chứng nhận QSDĐ số BE789683, thửa đất số 223, tờ bản đồ số 29 để vay số tiền 215.000.000 đồng ... sau đó tôi có làm giấy mượn tiền thêm vào ngày 23-9-2014 để vay thêm 15.000.000 đồng ... Tôi vay của Công ty VT 230.000.000 đồng”.* Như vậy, không có căn cứ để cho rằng Hợp đồng cầm cố tài sản đề ngày 10-9-2014 bị làm giả.

[4] Do chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành; chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn V; chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa; Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

4.1. Buộc bà Đ liên đới cùng chị H trả cho Công ty TNHH MTV VT:

+ Tiền gốc 70.000.000 đồng;

+ Tiền lãi của số tiền 70.000.000 đồng, từ ngày 10-9-2014 đến ngày 31-7-2017 = 2 năm 10 tháng 21 ngày = 34 tháng 21 ngày; cụ thể được tính như sau:

- 70.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 34 tháng = 26.775.000 đồng;

- 70.000.000 đồng x 1,125%/tháng x (21 ngày : 30 ngày) = 551.250 đồng.

Cộng lãi: 26.775.000 đồng + 551.250 đồng = 27.326.250 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi: 70.000.000 đồng + 27.326.250 đồng = 97.326.250 đồng (đây là số tiền bà Đ và chị H phải liên đới cùng trả), trong đó mỗi người phải chịu ½ là 48.663.125 đồng.

4.2. Buộc chị H phải trả cho Công ty TNHH MTV VT:

4.2.1. Tiền gốc 160.000.000 đồng;

4.2.2. Tiền lãi của số tiền 145.000.000 đồng, từ ngày 10-9-2014 đến ngày 31-7-2017 = 2 năm 10 tháng 21 ngày = 34 tháng 21 ngày; cụ thể được tính như sau:

- 145.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 34 tháng = 55.462.500 đồng;

- 145.000.000 đồng x 1,125%/tháng x (21 ngày : 30 ngày) = 1.141.875 đồng.

Cộng lãi: 55.462.500 đồng + 1.141.875 đồng = 56.604.375 đồng.

4.2.3. Tiền lãi của số tiền 15.000.000 đồng, từ ngày 23-9-2014 đến ngày 31-7-2017 = 2 năm 10 tháng 08 ngày = 34 tháng 08 ngày; cụ thể được tính như sau:

- 15.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 34 tháng = 5.737.500 đồng;

- 15.000.000 đồng x 1,125%/tháng x (08 ngày : 30 ngày) = 45.000 đồng.

Cộng lãi: 5.737.500 đồng + 45.000 đồng = 5.782.500 đồng.

4.2.4. Lãi của số tiền 160.000.000 đồng là: 56.604.375 đồng + 5.782.500 đồng = 62.386.875 đồng.

4.2.5. Tổng cộng gốc và lãi: 160.000.000 đồng + 62.386.875 đồng = 222.386.875 đồng.

4.3. Ghi nhận chị H đã trả số tiền lãi cho Công ty TNHH MTV VT: 13.800.000 đồng; khấu trừ: 222.386.875 đồng - 13.800.000 đồng = 208.586.875 đồng; như vậy, chị H còn phải trả cho Công ty TNHH MTV VT là 208.586.875 đồng.

4.4. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH MTV VT yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ liên đới cùng chị Nguyễn Thị Lệ H trả số tiền 160.000.000 đồng.

[5] Do sửa bản án sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại về phần án phí cho phù hợp, cụ thể:

+ Bà Nguyễn Thị Đ và chị Nguyễn Thị Lệ H cùng phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 97.326.250 đồng X 5% = 4.866.000 đồng, trong đó mỗi người phải chịu ½ là: 2.433.000 đồng.

+ Chị Nguyễn Thị Lệ H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm: 208.586.875 đồng X 5% = 10.429.000 đồng.

+ Công ty TNHH MTV VT phải chịu 200.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (đối với yêu cầu phản tố của chị H được Tòa án chấp nhận).

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Tại Điều 30 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án quy định về nghĩa vụ chịu án phí dân sự phúc thẩm, như sau: "*2. Trường hợp Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo thì đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm;"*, do Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo nên bà Nguyễn Thị Đ và chị Nguyễn Thị Lệ H không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Đối với yêu cầu phản tố của chị Nguyễn Thị Lệ H, do không có kháng cáo nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự 2005; khoản 2, 5 Điều 27; khoản 2 Điều 30 Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;

2. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn;

3. Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số: 34/2017/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên VT đối với bà Nguyễn Thị Đ, chị Nguyễn Thị Lệ H về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

5. Chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Nguyễn Thị Lệ H yêu cầu hủy hợp đồng cầm cố ngày 10-9-2014 giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên VT với Nguyễn Thị Đ, chị Nguyễn Thị Lệ H.

6. Hợp đồng cầm cố tài sản xác lập ngày 10-9-2014 giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên VT với bà Nguyễn Thị Đ, chị Nguyễn Thị Lệ H là vô hiệu.

7. Buộc bà Nguyễn Thị Đ và chị Nguyễn Thị Lệ H có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty TNHH MTV VT 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng tiền gốc và 27.326.250 đồng tiền lãi; tổng cộng gốc và lãi là 97.326.250 đồng; trong đó mỗi người phải chịu ½ là 48.663.125 đồng.

8. Buộc chị Nguyễn Thị Lệ H có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH MTV VT 160.000.000 (một trăm sáu mươi triệu) đồng tiền gốc và 62.386.875 đồng tiền lãi; tổng cộng gốc và lãi là 222.386.875 đồng.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị Lệ H đã trả số tiền lãi cho Công ty TNHH MTV VT: 13.800.000 đồng; khấu trừ: 222.386.875 đồng - 13.800.000 đồng = 208.586.875 đồng; như vậy, chị Nguyễn Thị Lệ H còn phải trả cho Công ty TNHH MTV VT là 208.586.875 đồng.

9. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH MTV VT yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ liên đới cùng chị Nguyễn Thị Lệ H trả số tiền 160.000.000 đồng.

10. Buộc Công ty TNHH MTV VT có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ, chị Nguyễn Thị Lệ H:

+ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00753-BE789683 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 26-12-2011, thửa 223, tờ bản đồ số 29, diện tích 165 m^2, tọa lạc tại ấp PL, xã PV, huyện CT, tỉnh Tây Ninh do bà Đ đứng tên;

+ 01 Sổ hộ khẩu;

+ 02 giấy chứng minh nhân dân (bản gốc), mang tên Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Lệ H.

11. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

12. Về chi phí giám định: Buộc Công ty TNHH MTV VT có trách nhiệm hoàn trả cho cho chị Nguyễn Thị Lệ H 4.820.000 (bốn triệu tám trăm hai mươi nghìn) đồng.

13. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Đ và chị H cùng phải chịu 4.866.000 đồng; trong đó mỗi người phải chịu ½ là 2.433.000 (hai triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn) đồng.

+ Chị Nguyễn Thị Lệ H phải chịu 10.429.000 (mười triệu, bốn trăm hai mươi chín nghìn) đồng; được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng theo Biên lai thu số: 0017326 ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

+ Công ty TNHH MTV VT phải chịu 200.000 đồng (đối với yêu cầu phản tố của chị H được chấp nhận); khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.750.000 đồng theo Biên lai thu số: 0016164 ngày 03 tháng 3 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành; hoàn trả cho Công ty TNHH MTV VT 5.550.000 (năm triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng.

14. Về án phí phúc thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị Đ và Nguyễn Thị Lệ H không phải chịu.

+ Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng bà Đ đã nộp theo Biên lai thu số: 0018180 ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành được khấu trừ vào tiền án phí dân sự sơ thẩm (phần trên).

+ Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng chị H đã nộp theo Biên lai thu số: 0018181 ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành được khấu trừ vào tiền án phí dân sự sơ thẩm (phần trên).

15. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

16. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND. TTN;
- TANDH. Châu Thành;
- Chi cục THADSH. Châu Thành;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Mai Văn Triến